

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21-5-2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị An.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đình Nhung.

2. Bà Lê Thị Diễm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:**  
Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 730/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị NTT, sinh năm: 19.., (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 02, khu phố A, phường A, thị xã A, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Anh HVL, sinh năm: 19.., (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, phường A, thị xã T, tỉnh T.

Tạm trú: Tổ 02, khu phố A, phường A, thị xã A, tỉnh A.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-11-2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị NTT trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị và anh HVL tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2005, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T. Ngày cưới bên gia đình chồng có cho 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, 01 tấm lắc, số vàng này vợ bán hết để mua đất. Cưới xong vợ chồng sống chung bên chồng được hai tháng thì về xây nhà trên đất do cha mẹ cho ở nhờ đến nay. Thời gian chung sống đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L hay phiền hà về công việc chị làm, vợ chồng hay cãi vã gây gổ nhau, anh thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện đánh đập chị vô cớ, cuộc sống không hạnh phúc, nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột cũng gần nhà vợ chồng chị ở từ tháng 8/2018, vợ

chồng ly thân đến nay. Tháng 8/2018 chị xin ly hôn với anh L, Toà án Trảng Bàng xử bác đơn, từ đó đến nay vợ chồng không ở lại, anh L cũng không gặp chị bàn việc ở lại, nhưng khi có rượu thì anh L kiểm chị đánh. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2018. Nay chị thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa, nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 03 con tên HGN, sinh ngày 20-11-2005, HGH, sinh ngày 11-6-2008 và HVT, sinh ngày 07-6-2011, hiện chị nuôi hai cháu N, H, anh L nuôi cháu T. Nay chị yêu cầu nuôi hai cháu N, H, còn cháu T giao anh L nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Có nhà, đất anh L đang quản lý để vợ chồng tự thoả thuận, chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

*Bị đơn anh HVL trình bày:* Anh xác nhận lời trình bày của vợ anh về thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng, về mâu thuẫn vợ chồng theo anh là do năm 2017 vợ anh hay đi chơi, anh nói vợ không nghe, có lần vợ bỏ đi đến 8 giờ tối mới về nói đi cắt cỏ mà về nhà có ít cỏ nên anh giận có đánh vợ một cái trứng nón bảo hiểm, thì vợ bỏ nhà đi về nhà cha mẹ ruột ở, sau đó anh có đến gặp vợ để yêu cầu vợ về ở lại nhưng vợ không chịu về. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8-2018. Cũng tháng 8-2018 vợ có đơn xin ly hôn với anh, Toà án Trảng Bàng xử bác đơn ly hôn, từ đó anh cũng không đến rước và cũng không kêu vợ về ở lại. Thời gian này vợ chồng có gặp nhau, nhưng không bàn việc ở lại. Nay vợ xin ly hôn, thì anh không đồng ý ly hôn, nhưng anh cũng chưa có biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ lại, do vợ không chịu ở lại.

Về con chung: Có 03 con như vợ khai là đúng, anh đang nuôi cháu T, vợ nuôi hai cháu N, H.

Về tài sản chung: Có căn nhà, còn đất bên vợ cho chưa có giấy đỏ, anh đang quản lý;

Về nợ chung: Không có.

Nếu Toà án có giải quyết ly hôn thì con chung anh yêu cầu nuôi cháu T, để vợ nuôi hai cháu H, N, không ai cấp dưỡng cho ai. Tài sản chung để tự vợ chồng thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nợ chung không có anh không yêu cầu. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:*

*Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng là chị T, anh L đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L; về con chung: Giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục 02 cháu HGN, sinh ngày 20-11-2005 và HGH, sinh ngày 11-6-2008; giao anh L tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cháu HVT, sinh ngày 07-6-2011. Anh chị không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai; về tài sản chung: Có nhà, đất anh L đang quản lý, anh chị tự thoả thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị NTT có đơn xin ly hôn với anh HVL, Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị T và anh L tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chị T thì từ năm 2017 xảy ra mâu thuẫn, do anh L hay cãi vã gây gổ nhau, anh thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện đánh đập chị vô cớ, nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng ly thân từ tháng 8-2018 nên chị xin ly hôn. Anh L cho rằng từ năm 2017 vợ hay đi chơi, anh nói vợ không nghe, có lần vợ bỏ đi đến 8 giờ tối mới về anh giận có đánh vợ một cái trúng nón bảo hiểm, thì vợ bỏ nhà đi anh có đến yêu cầu vợ về ở lại nhưng vợ không về. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8-2018. Nay vợ xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu đoàn tụ vợ chồng để cùng chung sống nuôi con.

Xét thấy, mâu thuẫn của hai anh chị xảy ra từ năm 2017, do anh chị không tin tưởng lẫn nhau nên hay cãi vã gây gổ, tháng 8-2018 vợ chồng cãi vã, anh L có đánh chị 01 cái trúng nón bảo hiểm, chị T bỏ về nhà em ruột ở vợ chồng ly thân đến nay. Nhận thấy, mặc dù mâu thuẫn giữa anh chị không lớn, chưa đến mức trầm trọng, nên Tòa án Trảng Bàng đã xử bác đơn xin ly hôn của chị T với anh L theo Bản án số 103, ngày 23-10-2018. Tuy nhiên từ đó đến nay anh chị cũng không gặp nhau bàn việc đoàn tụ lại, anh L yêu cầu đoàn tụ nhưng anh không một lần thuyết phục chị T. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị T, anh L khai có 03 con tên HGN, sinh ngày 20-11-2005, HGH, sinh ngày 11-6-2008 và HVT, sinh ngày 07-6-2011, hiện chị T nuôi hai cháu N, H, anh L nuôi cháu T. Nay chị T yêu cầu tiếp tục nuôi hai cháu N, H, còn cháu T giao anh L nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Anh L đồng ý theo yêu cầu của chị T. Xét thấy, anh chị thoả thuận về nuôi con và không ai cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của các cháu N, H, T và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung*: Chị T, anh L thống nhất có căn nhà, cất trên đất của cha mẹ chị T cho, hiện anh L đang quản lý, anh chị tự thoả thuận không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị T và anh L khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị T phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị NTT đối với anh HVL. Chị T được ly hôn với anh L.**

**2. Về con chung:** Giao chị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu tên HGN, sinh ngày 20-11-2005, HGH, sinh ngày 11-6-2008; giao anh L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu HVT, sinh ngày 07-6-2011. Ghi nhận anh chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị T, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung:** Chị T, anh L tự thỏa thuận không yêu cầu, nên không giải quyết.

**4. Về nợ chung:** Chị T, anh L khai không có không yêu cầu, nên không giải quyết.

**5. Về án phí sơ thẩm ly hôn:** Chị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0017735 ngày 12-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng). Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Chị T, anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Tx Trảng Bàng;
- Chi cục THADS Tx Trảng Bàng;
- UBND phường An Tịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị An**